

## NGHIÊN CỨU MỐI LIÊN QUAN GIỮA NHÓM MÁU VÀ LOÉT DẠ DÀY

NGUYỄN DUY THẮNG  
Bệnh viện Nông nghiệp

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Loét dạ dày là bệnh lý thường gặp trên thế giới và Việt Nam. Có nhiều yếu tố nguyên nhân gây bệnh được nghiên cứu. Mục đích nghiên cứu: Góp phần tìm hiểu tỷ lệ các nhóm máu trong bệnh loét dạ dày ở người Việt Nam. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 53 bệnh nhân được nội soi và xét nghiệm máu tại Bệnh viện Nông nghiệp từ tháng 2 đến tháng 10 năm 2009. **Kết quả:** Loét thân vị 5 trường hợp (9,4%). Loét hang vị 25 trường hợp (47,2%). Loét môn vị 8 trường hợp (15,1%). Loét góc bờ cong nhỏ có 15 trường hợp (28,3%). Nhóm máu O có 23/53 trường hợp (43,4%). Nhóm máu A có 13/53 trường hợp (24,5%). Nhóm máu B có 16/53 trường hợp (30,2%). Nhóm máu AB có 1/53 trường hợp (1,9%). Loét thân vị: nhóm O (40,0%), nhóm A (20,0%), nhóm B (20,0%) và nhóm AB (20,0%). Loét hang vị: nhóm O (44,0%), nhóm B (32,0%), nhóm A (24,0%) và nhóm AB (0%). Loét môn vị: nhóm O và B (cùng 37,5%), nhóm A (25,0%), nhóm AB (0%). Loét góc BCN: nhóm O (46,7%), nhóm A và B (cùng 26,6%). **Kết luận:** Nhóm máu O có tỷ lệ cao nhất trong loét dạ dày. Nhóm máu AB có tỷ lệ thấp nhất 1,9%. ( $p > 0,05$ ). Nhóm máu O, A, B có tỷ lệ cao nhất trong loét hang vị. Nhóm máu AB chỉ gặp trong loét thân vị. ( $P > 0,05$ ).

**Từ khóa:** Loét dạ dày, nhóm máu

### SUMMARY

**The study of the related between blood group and gastric ulcer**

**Background:** peptic ulcer is a common pathology in the world and Vietnam. There are many factors that cause disease are studied. **Objective:** Help to find out the proportion of blood groups in peptic ulcer disease in patients of Vietnam. **Patients and methods:** 53 patients were endoscopy and blood tests at hospital Agriculture from February to October 2009. **Results:** The corpus ulcers are five cases (9.4%). The antrum ulcers are 25 cases (47.2%). The pylorus ulcer are eight cases (15.1%). Small bank angle curve ulcers are 15 cases (28.3%). Blood group O is 23/53 cases (43.4%). Blood group A is 13/53 cases (24.5%). Blood group B is 16/53 cases (30.2%). Blood group AB is 1/53 cases (1.9%). **Corpus ulcer:** group O (40.0%), group A (20.0%), group B (20.0%) and group AB (20.0%). **Antrums ulcers:** group O (44.0%), group B (32.0%), group A (24.0%) and group AB (0%). **Pylorus ulcer :** group O and B (with 37.5%), group A (25.0%), group AB (0%). **Small bank angle curve ulcers:** group O (46.7%), group A and B (together 26.6%). **Conclusion:** Blood group O has the highest rate in gastric ulcers. Blood group AB has the lowest rate of 1.9%. ( $P > 0.05$ ). Blood type O, A, B has the highest

rates of antrums ulcer. Blood group AB only encounter in corpus ulcer. ( $P > 0.05$ ).

Keywords: peptic ulcer, Blood group

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh loét dạ dày đã được nhiều tác giả trong và ngoài nước nghiên cứu. Người ta thấy có nhiều yếu tố liên quan đến sự hình thành và diễn biến của loét dạ dày. Nhà khoa học nổi tiếng người Áo là tiến sĩ Karl Landsteiner đã đoạt giải Nobel do phát hiện ra các nhóm máu của con người vào năm 1901. Trên thế giới có những công trình nghiên cứu về mối liên quan giữa yếu tố gia đình, nhóm máu trong viêm và loét dạ dày tá tràng. Nhiều tác giả cho rằng LTT hay gặp hơn ở người có nhóm máu O, trong khi ung thư dạ dày hay gặp hơn ở những người có nhóm máu A. Ở Việt Nam chưa có nhiều công trình nghiên cứu mối liên quan giữa nhóm máu và bệnh lý dạ dày tá tràng. Để góp phần tìm hiểu thêm về vấn đề trên, chúng tôi tiến hành đề tài: "Nghiên cứu mối liên quan giữa nhóm máu và loét dạ dày", nhằm mục đích: *Nhận xét tỷ lệ các nhóm máu trong loét dạ dày ở người Việt Nam.*

### ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Đối tượng nghiên cứu

##### a. Tiêu chuẩn bệnh nhân nghiên cứu

- Bệnh nhân có triệu chứng lâm sàng như đau thượng vị, ợ hơi, ợ chua, đầy bụng, khó tiêu.  
- Được nội soi dạ dày tá tràng tại Bệnh viện Nông nghiệp từ tháng 2 năm 2009 đến tháng 10 năm 2009

- Không phân biệt giới tính

- Tuổi từ 17 đến 70

- Được chẩn đoán nội soi loét dạ dày lành tính

- Được xét nghiệm nhóm máu ABO

- Số lượng bệnh nhân: 53

##### b. Tiêu chuẩn loại trừ

- Mổ cắt dạ dày, xuất huyết dạ dày, ung thư dạ dày

#### 2. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.1. Nội soi dạ dày tá tràng

- Mô tả tình trạng niêm mạc dạ dày, số lượng, hình dạng, kích thước và vị trí ổ loét.

- Đánh giá tình trạng ổ loét dạ dày theo tiêu chuẩn của Hội Nội soi Nhật bản

- Chụp ảnh các tổn thương qua nội soi và xử lý kết quả qua máy tính.

##### 2.2. Xét nghiệm nhóm máu

- Định nhóm máu hệ ABO trên phiến nhựa tại phòng xét nghiệm

Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang

Xử lý kết quả bằng phương pháp thống kê y học EPI info 6.04

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Từ tháng 2 đến tháng 10 năm 2009 có 53 bệnh nhân đủ tiêu chuẩn lựa chọn được đưa vào diện nghiên cứu. Bước đầu chúng tôi có kết quả như sau:

Kết quả nội soi

Bảng 1. Vị trí ổ loét dạ dày :

Vị trí ổ loét	nam		nữ		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%
Thân vị	3	60,0	2	40,0	5	9,4
Hang vị	13	52,0	12	48,0	25	47,2
Môn vị	3	37,5	5	62,5	8	15,1
gBCN	8	53,3	7	46,7	15	28,3
Tổng số	27	53,3	26	46,7	53	100

Nhận xét: Loét hang vị và góc bờ cong nhỏ có tỷ lệ cao nhất (47,2 % và 28,3%).

Sự khác biệt giữa các vị trí không có ý nghĩa thống kê với  $P > 0,05$ .

Bảng 2. Tỷ lệ các nhóm máu trong LDD

Nhóm máu	nam		nữ		Tổng số	
	n	%	n	%	n	%
O	13	56,5	10	43,5	23	43,4
A	8	61,5	5	38,5	13	24,5
B	5	31,3	11	68,7	16	30,2
AB	1	100,0	0	0	1	1,9
Tổng số	27	53,3	26	46,7	53	100

Nhận xét : Nhóm máu O có tỷ lệ cao nhất trong loét dạ dày (43,4%). Nhóm máu AB có tỷ lệ thấp nhất (1,9 %). Sự khác biệt giữa các nhóm máu không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

Bảng 3. Tỷ lệ các nhóm máu theo vị trí ổ loét dạ dày

Nhóm máu	Vị trí ổ loét								Tổng số	
	Thân vị		Hang vị		Môn vị		GBCN		n	%
	n	%	n	%	n	%	n	%		
O	2	8,7	11	47,8	3	13,0	7	30,5	23	43,4
A	1	7,7	6	46,2	2	15,4	4	30,8	13	24,5
B	1	6,3	8	50,0	3	18,7	4	25,0	16	30,2
AB	1	100,0	0	0	0	0	0	0	1	1,9
TS	5	9,4	25	47,2	8	15,1	15	28,3	53	100

Nhận xét: Nhóm máu O, A, B có tỷ lệ cao nhất trong loét hang vị. Nhóm máu AB chỉ gặp trong loét thân vị. Sự khác biệt về tỷ lệ nhóm máu trong các vị trí loét không có ý nghĩa thống kê ( $P > 0,05$ ).

### BÀN LUẬN

#### 1. Đặc điểm nội soi

Trong số 53 bệnh nhân, chúng tôi gặp 25 trường hợp loét hang vị, chiếm tỷ lệ cao nhất trong các vị trí loét dạ dày (47,2 %). Loét bờ cong nhỏ có 15/53 trường hợp chiếm 28,3%. Loét môn vị có tỷ lệ là 15,1%. Loét thân vị chỉ có 5 trường hợp, chiếm tỷ lệ 9,4%. Sự khác biệt về tỷ lệ giữa vị trí các ổ loét dạ dày không có ý nghĩa thống kê với  $P > 0,05$ .

Nam giới chiếm tỷ lệ 53,3% và nữ là 46,7%. Tỷ lệ nam và nữ trong các vị trí loét khác nhau không có ý nghĩa thống kê với  $P > 0,05$ .

#### 2. Tỷ lệ các nhóm máu

Để tìm hiểu tỷ lệ các nhóm máu trong loét dạ dày, chúng tôi tiến hành xét nghiệm nhóm máu đối với tất cả bệnh nhân của nhóm nghiên cứu. Kết quả cho thấy nhóm máu O có số lượng bệnh nhân đông nhất với 23 trường hợp, chiếm 43,4%, trong đó có 13 nam và 10 nữ.

Nhóm máu A có 13 bệnh nhân, gồm 8 nam và 5 nữ, chiếm tỷ lệ 24,5 %. Nhóm máu B có 16 bệnh nhân gồm 5 nam và 11 nữ, chiếm tỷ lệ 30,2%. Nhóm máu AB chỉ có 1 trường hợp là nam giới, chiếm tỷ lệ 1,9%.

Giữa các nhóm máu, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với  $P > 0,05$ .

Kết quả của chúng tôi tương tự nghiên cứu của Tesfahun Tadege [5] về tỷ lệ nhóm máu O và A nhưng cao hơn ở nhóm máu B và thấp hơn ở nhóm máu AB.

Sự khác biệt về tỷ lệ nam và nữ trong các nhóm máu không có ý nghĩa thống kê với  $P > 0,05$ . Theo nghiên cứu của L. Horwich và cs. [3] thì không có sự khác biệt

giữa nhóm máu và giới tính ở bệnh nhân bình thường hay bị loét tá tràng.

Phân tích sâu hơn về mối liên quan giữa các nhóm máu với các vị trí loét dạ dày chúng tôi nhận thấy:

Đối với nhóm máu O: Trong tổng số 23 bệnh nhân có nhóm máu O thì loét thân vị có 2/23 trường hợp, chiếm tỷ lệ thấp nhất 8,7%. Nhóm máu O trong loét hang vị chiếm tỷ lệ cao nhất (47,8%) với 11/23 trường hợp. Đồng thời đây cũng là tỷ lệ cao nhất của tất cả các nhóm máu trong loét hang vị dạ dày. Loét góc bờ cong nhỏ có nhóm máu O là 7/23 trường hợp, chiếm tỷ lệ 30,5%. Nhóm máu O trong loét môn vị chỉ có 3/23 trường hợp, chiếm tỷ lệ 13,0%.

Đối với nhóm máu A: Loét hang vị có 6/13 trường hợp, chiếm tỷ lệ cao nhất (46,2%). Loét góc bờ cong nhỏ có 4/13 trường hợp, chiếm tỷ lệ 30,8%. Loét thân vị chỉ có 1 trường hợp và loét môn vị có 2 trường hợp. Như vậy nhóm máu A chủ yếu gặp trong loét hang vị.

Đối với nhóm máu B: Tỷ lệ nhóm máu B cao nhất trong loét hang vị với 50,0% (8/16 trường hợp). Tỷ lệ đó trong loét góc bờ cong nhỏ là 25,0% (4/16 trường hợp) và loét môn vị là 18,7% với 3/16 trường hợp. Nhóm máu B chỉ chiếm 6,3% ở vị trí loét thân vị. Như vậy nhóm máu B chiếm đa số trong loét hang vị.

Đối với nhóm máu AB: Trong nghiên cứu này chúng tôi chỉ gặp 1 trường hợp ở loét thân vị (1,9%). Đây cũng là nơi có tỷ lệ nhóm máu thấp nhất trong 4 nhóm máu hệ ABO

Nếu tính theo vị trí ổ loét thì tỷ lệ các nhóm máu được xếp theo thứ tự lần lượt từ cao đến thấp như sau:

Thân vị: nhóm O(40,0%), nhóm A, nhóm B và nhóm AB (đều cùng 20,0%).

Hang vị: nhóm O (44,0%), nhóm B (32,0%), nhóm A (24,0%) và nhóm AB (0%)

Môn vị: nhóm O và B (đều cùng 37,5%), nhóm A (25,0%), nhóm AB (0%)

Góc BCN: nhóm O (46,7%), nhóm A và B (đều cùng 26,6%).

Tuy nhiên do số lượng bệnh nhân của chúng tôi chưa nhiều và được chọn lựa theo tiêu chuẩn nên tỷ lệ của các nhóm máu trong loét dạ dày mới chỉ là nghiên cứu bước đầu. Để tìm hiểu kỹ hơn, cần có một nghiên cứu với số lượng bệnh nhân lớn hơn.

Kết quả nghiên cứu của Tesfahun Tadege [ 5 ] cho thấy nhóm máu O chiếm tỷ lệ 43%, nhóm máu A 23,5%, nhóm máu B 22,5%, nhóm máu AB 11%. Các nghiên cứu về nhóm máu trên thế giới cho thấy tỷ lệ viêm loét dạ dày - tá tràng ở những người có nhóm máu O cao hơn 30% - 35% so với nhóm khác.

Nguyên nhân là do đặc điểm cấu tạo phân tử của màng tế bào ở những người có nhóm máu O có chứa chất "gây hấp dẫn" vi khuẩn *Helicobacter pylori* tạo điều kiện thuận lợi để chủng vi khuẩn này cư trú, sinh sôi và gây tổn thương thành dạ dày gây viêm rồi loét. Còn những người thuộc nhóm máu A lại dễ bị ung thư hơn các nhóm máu khác. Brigić E và cs. [ 1 ] nghiên cứu về các nhóm máu bao gồm các câu hỏi về mối liên quan giữa nhóm máu với các bệnh lý dạ dày tá tràng nhất định cho thấy nhóm máu O chiếm ưu thế hơn trong mối liên quan đến viêm dạ dày so với các nhóm máu khác. Nhiều báo cáo đã chỉ nói đến sự phổ biến gia tăng của nhóm máu A ở bệnh nhân ung thư dạ dày. Aird và cộng

sự là những người đã nghiên cứu các nhóm máu ABO ở một số lượng lớn các bệnh nhân ung thư dạ dày, trong đó có nghiên cứu gần đây nhằm tìm hiểu mối liên quan giữa bệnh lý dạ dày tá tràng với nhóm máu ABO và *Helicobacter pylori* [ 2 ].

Một nghiên cứu của Y. Rasmi và cộng sự [ 6 ] đã tìm cách để xác định việc phân phối các nhóm máu ABO ở bệnh nhân PUD ở Iran. Trong số 81 bệnh nhân nghiên cứu gồm 51 nam và 30 nữ có độ tuổi  $49 \pm 18$  năm. Các nhóm máu ABO được phân phối trong đối tượng nghiên cứu như sau: 37,1% (30/81) cho nhóm A, 23,4% (19/81) cho nhóm B, 35,6% (28/81) cho nhóm O và 4,9% (4/81) cho nhóm AB. Theo kết quả này nhóm máu ABO đóng một vai trò quan trọng ở những bệnh nhân loét dạ dày. Tần số của nhóm máu ABO gặp ở hầu hết các rối loạn tiêu hóa đã được nghiên cứu. Nhóm máu O có nguy cơ cao phát triển loét tá tràng. Tác giả cũng chỉ ra rằng mặc dù một số điều tra cho thấy có mối tương quan giữa nhóm máu O và nhóm máu A với loét dạ dày, nghiên cứu của tác giả không thấy có sự tương quan. Romshoo et al. (1997) báo cáo rằng, đa số bệnh nhân loét dạ dày (56%) có nhóm máu O và coi đó là một yếu tố nguy cơ loét dạ dày. R. Doll và cộng sự [4] nghiên cứu nhóm máu ABO và tình trạng tiết dịch đã có những kết luận rằng nhóm máu O và dịch tiết ảnh hưởng đến nguy cơ phát triển của ổ loét dạ dày tá tràng hoặc có liên quan với nhau, nhưng mà không phụ thuộc vào sự hiện diện của các chất trong nhóm máu tiết ra.

#### KẾT LUẬN

- Nhóm máu O có tỷ lệ cao nhất trong loét dạ dày. Nhóm máu AB có tỷ lệ thấp nhất 1,9%. Sự khác biệt giữa các nhóm máu không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

- Nhóm máu O, A, B có tỷ lệ cao nhất trong loét hang vị. Nhóm máu AB chỉ gặp trong loét thân vị. Sự khác biệt về tỷ lệ nhóm máu trong các vị trí loét không có ý nghĩa thống kê ( $P > 0,05$ ).

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Brigić E, Terzić S, Iljazović E, Cickusić E., *Association between chronic gastritis in childhood, Helicobacter pylori and ABO blood groups*, Med Arh. 2002;56(3 Suppl 1):57-8.
2. El Hajj, Ihab I. ; Hashash, Jana G. ; Baz, Elizabeth M. Kfoury ; *ABO blood group and gastric cancer: rekindling an old fire?(Letter to the editor)*, Southern Medical Journal , July 1, 2007
3. L. Horwich, D.A.P.Evans, R.B. McCONNELL, et al, *ABO blood groups in gastric bleeding*, Gut, 1966, 7, 680
4. R. Doll, H. Drane, A. C. Newell, *Secretion of blood group substances in uodenal, gastric and stomal ulcer, gastric carcinoma, and diabetes mellitus*, Gut 1961;2:352-359;
5. Tesfahun Tadege, Yohannes Mengistu, Kassu Desta, *Seroprevalence of Helicobacter pylori Infection in and its Relationship with ABO Blood Groups* Ethiop.J.Health Dev. 2005; 19 (1).
6. Y. Rasmi, M. Sadreddini, T. Peirovi, *Frequency of ABO Blood Group In Peptic Ulcer Disease in Iranian Subjects*, Pakistan Journal of Biological Sciences, 2009, Volume: 12 | Issue: 13 | Page No.: 991-993